TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN** Số: **75**/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trịnh Duy N, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị T và anh Trịnh Duy N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Ma Thị T và anh Trịnh Duy N thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Giao 02 (hai) con chung tên Trịnh Thị Khánh N1, sinh ngày 27/5/2009 và Trịnh Khánh V, sinh ngày 25/3/2021 cho anh Trịnh Duy N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung Trịnh Thị Khánh N1, Trịnh Khánh V đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị Ma Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung:** Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Về vay nợ chung:** Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Về án phí**: Chị Ma Thị Tình tự N2 chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ma Thị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0002168 ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Ma Thị T được hoàn trả lại số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND KV6 – Thái Nguyên (3b);
- UBND xã Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên (Nơi đăng ký kết hôn) (01b);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT) (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bảo Thanh Toàn